

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng mới Trường mầm non Tam Văn, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Lang Chánh về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng mới Trường mầm non Tam Văn, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 6382/STNMT-BVMT ngày 15/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Xây dựng mới Trường Mầm non Tam Văn, huyện Lang Chánh của BQLDA đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1062/Tr-STNMT ngày 29/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng mới Trường mầm non Tam Văn (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng mới Trường mầm non Tam Văn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh thực hiện tại xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Tam Văn (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án xây dựng mới Trường mầm non Tam Văn, xã Tam Văn, huyện
Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa của Ban quản lý dự án đầu tư
xây dựng huyện Lang Chánh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- **Tên dự án:** Xây dựng mới Trường mầm non Tam Văn, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh.
- + Người đại diện: ông Phạm Hùng Sâm; Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Tam Văn, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, diện tích khu đất xây dựng công trình là 3.915,01 m².
- Quy mô: Phục vụ nhu cầu giảng dạy tối đa cho khoảng 200 cháu với 20 giáo viên, công nhân viên.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng (diện tích 664m²); Nhà hiệu bộ (diện tích 301,27m²); Nhà công vụ (diện tích 201,88m²); Nhà bếp (diện tích 80,06m²); Nhà để xe (diện tích 78m²); Nhà bảo vệ (diện tích 30,21m²); Đường betong (diện tích 175,11m²); Sân bê tông, vườn cây xanh cảnh quan (diện tích 2.384,48m²).
- Hoạt động của dự án: Hoạt động dạy học và sinh hoạt của giáo viên và học sinh trong trường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: phát quang thực vật, san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, tập kết nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm, giặt, vệ sinh tay chân $0,95 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) $0,63 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải hoạt động ăn uống: $0,02 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng $3 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Nước thải từ quá trình rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn lưu lượng $9,65 \text{ lít/s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình phát quang thực vật, đào đắp, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, trút đổ nguyên vật liệu, thi công xây dựng,... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2 , NO_x , CO,...

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: phát sinh khoảng $15,8 \text{ kg/ngày}$. Trong đó: Chất thải vô cơ $3,16 \text{ kg/ngày}$; Chất thải hữu cơ $12,64 \text{ kg/ngày}$. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- *Chất thải rắn xây dựng*:

+ CTR trong quá trình giải phóng mặt bằng gồm lúa nước, cây bụi, cây cỏ dại, hoa màu ...: $2,93 \text{ tấn}$.

+ Đất nạo vét hữu cơ, bùn bề mặt: $1.595,59 \text{ m}^3$.

+ CTR rơi vãi bao gồm đất, đá, cát,...: $56,5 \text{ tấn}$.

+ CTR trong quá trình thi công gồm gạch vỡ, bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ,...: $0,94 \text{ tấn}$.

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại: phát sinh khoảng $45 \text{ kg/cả quá trình thi công}$. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy thải,...

- Chất thải lỏng nguy hại: phát sinh khoảng $45 \text{ lít/cả quá trình thi công}$. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải.

3.1.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình phá dỡ, quá trình vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu; thi công thực hiện dự án,...và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải từ hoạt động của giáo viên và học sinh có lưu lượng khoảng $17,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Trong đó: Nước thải rửa tay chân $8,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải vệ sinh $5,1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải ăn uống $3,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng $34,25 \text{ lít/s}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, hoạt động nấu ăn tại nhà bếp, hệ thống thu gom, xử lý nước thải,...thông số ô nhiễm đặc trưng của khí thải gồm: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của giáo viên và học sinh nhà trường có khối lượng là 110 kg/ngày.đêm . Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp, gỗ,...

- Chất thải rắn sinh hoạt sân, đường, vườn trường: phát sinh khối lượng khoảng $11,0 \text{ kg/ngày}$. Thành phần chủ yếu là lá cây, cành cây, nilong, vỏ nhựa,...

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án chủ yếu là chất thải rắn nguy hại từ quá trình sinh hoạt của giáo viên và học sinh với tổng khối lượng khoảng $23,4 \text{ kg/năm}$. Thành phần bao gồm: Pin, bóng đèn neon, ắc quy, mực in, dầu nhớt bảo dưỡng thiết bị,....

3.2.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, hoạt động vui chơi trong khuôn viên trường,...và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, ngộ độc thực phẩm,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải rửa tay chân (lưu lượng $0,95 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) được thu gom vào 01 hố lắng tạm thể tích $2,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$) bố trí gần lán trại thi công sau đó thải ra Mương thoát nước của khu vực (dọc đường nhựa phía Tây dự án).

- Đối với nước thải nhà vệ sinh (lưu lượng $0,63 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$): Thuê 03 nhà vệ sinh di động (Kích thước $1060 \times 850 \times 1980 \text{ mm}$; Dung tích bồn nước sạch: 600 lít; Dung tích hầm chứa phân: 800 lít) để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ, với tần suất 02 ngày/lần.

- Đối với nước thải từ ăn uống (lưu lượng $0,02 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) thu gom vào 01 hố lắng tạm thể tích $2,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$, cùng với nước rửa tay chân), sau đó thoát ra mương thoát nước của khu vực (dọc đường nhựa phía Tây dự án). Phần váng dầu mỡ được đưa đi xử lý cùng với chất thải nhà vệ sinh.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Nước thải rửa xe (lưu lượng $2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) thu gom vào Hố lắng tạm $3,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$), sau đó thoát ra mương thoát nước của khu vực (phía Tây khu đất dự án).

- Nước thải rửa dụng cụ thi công (lưu lượng $1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ thu gom vào Hố lắng tạm $3,0 \text{ m}^3$ (kích thước $2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$, cùng với nước thải rửa xe), sau đó thải ra mương thoát nước của khu vực (phía Tây khu đất dự án).

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas $50\text{m}/\text{hố gas}$. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = $0,5 \times 1,0(\text{m})$; các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 0,8 \times 0,8 \times 0,8(\text{m})$. Hướng thoát nước chính là thoát ra mương thoát nước chung của khu vực (dọc đường nhựa phía Tây dự án).

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý. Số lượng 2 bộ/người/năm.

- Dùng xe xịt $5,0 \text{ m}^3$ phun nước giảm bụi, tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe. Phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước ra khỏi công trường.

- Bố trí công nhân quét dọn vật liệu xây dựng rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển.

- Lắp dựng tường rào bằng tôn cao $2,5\text{m}$ dài 320m bao xung quanh khu đất để hạn chế bụi phát tán ra khu vực xung quanh, đồng thời bảo vệ công trình.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a/ Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích $50 \text{ lít}/\text{thùng}$) tại vị trí lán trại công nhân và khu vực công trường thi công để thu gom, tập kết rác thải, thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b/ Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

Đối với chất thải rắn trong quá trình xây dựng: Đối với loại chất thải rắn như bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng: thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn. Đối với gạch vỡ, đá,... thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định. Đất đào bóc phong hoá được tận dụng để trồng cây xanh tại dự án. Đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng được tận dụng để san nền sân đường nội bộ.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Toàn bộ chất thải nguy hại thu gom vào các thùng đựng chất thải nguy hại. Chất thải rắn nguy hại (dung tích 100 lít/thùng). Chất thải lỏng nguy hại (dung tích 100 lít/thùng). Các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa. Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng các máy móc thi công đã quá cũ vì chúng gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn.

- Bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị máy móc gây ra tiếng ồn như máy khoan, máy xúc, trộn bê tông...

- Trang bị dụng cụ bảo hộ cá nhân cho công nhân làm việc tại những bộ phận gây ồn, rung cao như găng tay, mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo. Thường xuyên nhắc nhở công nhân sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động.

4.2. Giai đoạn vận hành:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý nước thải

a/ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên khuôn viên được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại, nước thải nhà ăn được xử lý qua bể tách dầu, sau đó dẫn về thiết bị xử lý nước thải tại chỗ bằng modul Bastafat vật liệu composite công suất 17m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý rồi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Sơ đồ xử lý của modul Bastafat như sau:

Nước thải → Bể lắng + điều hòa/phân hủy bùn → Bể lọc kị khí → Bơm → Bể lọc hiếu khí → Bể lắng/khử trùng.

- Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý bụi, khí thải

- Nhà trường sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện... không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

- Trồng cây xanh tại khu vực sân vườn nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước thải để giảm thiểu mùi hôi.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường

- Trang bị 03 thùng đựng rác dung tích 110 l/thùng bố trí tại sân, dọc hành lang của mỗi khu vực trong trường học để thu gom rác thải.
- Thùng thu gom rác tại dự án được thau rửa hàng ngày.
- Toàn bộ rác thải sinh hoạt của dự án chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 03 thùng đựng CTNH (dung tích 30 lít/thùng) đặt trong khu vực Nhà bơm PCCC để thu gom CTNH. Thùng có nắp đậy, bên ngoài thùng được dán nhãn, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu quy định, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng, thủy lợi, tài nguyên, an ninh, quốc phòng, bảo tồn đa dạng sinh học; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.
- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.